(111.04.29修正Hiệu đính ngày 29 .4.2022)

**明新學校財團法人明新科技大學校外實習合約書範本(二方合約版本)**

**Bản mẫu hợp đồng thực tập ngoài nhà trường của Đại học khoa học và công nghệ Ming Hsin ( bản hợp đồng 2 bên)**

(合作機構)\_ （以下簡稱甲方）

立合約書人 共同辦理校外實習教育事宜

(大專校院)………….. （以下簡稱乙方）

Các bên tham gia (Tổ chức hợp tác) (dưới đây gọi tắt là bên A)

(trường đại học) (dưới đây gọi tắt là bên B) cùng nhau thực hiện công tác giáo dục thực tập ngoài nhà trường .

依「專科以上學校產學合作實施辦法」，基於培訓專才，推展實習課程教學與實務訓練之原則，經雙方協議訂定條款如下。實習期間乙方學生於甲方機構有從事學習訓練以外之勞務提供或工作事實者，並應符合「勞動基準法」等相關勞動法令規定：

Căn cứ vào “Biện pháp thực hiện hợp tác doanh nghiệp- Viện/trường cao đẳng trở lên”, theo nguyên tắc bồi dưỡng nhân tài chuyên môn, thúc đẩy các khóa thực tập để giảng dạy và đào tạo thực tế, sau khi hai bên thỏa thuận đã đi đến thống nhất các điều khoản dưới đây. Trong thời gian thực tập , nếu sinh viên của bên B cung cấp dịch vụ lao động hoặc làm việc thực tế ngoài nội dung học tập đào tạo tại cơ sở của bên A, thì cần phải phù hợp với Quy định pháp lệnh về lao động như “Luật lao động cơ bản”.

1. **甲方之職責：**

**1.Trách nhiệm của bên A**

1. 參與校外實習課程規劃，並依學生個別實習計畫提供學生相關實務訓練，安排實習工作單位分配、工作時段以進行各種實務技能訓練培育人才。
2. Tham gia quy hoạch khóa thực tập ngoài nhà trường, và thực hiện đào tạo thực tế liên quan cho sinh viên theo kế hoạch thực tập riêng biệt từng sinh viên, sắp xếp phân công đơn vị thực tập làm việc, khoảng thời gian làm việc để thực hiện đào tạo bồi dưỡng nhân tài các kỹ năng thực tiễn.
3. 負責學生實習前之安全講習、實習場所安全防護設備之配置及相關職業安全衛生措施之規劃。

Chịu trách nhiệm quy hoạch hội thảo học tập an toàn, lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn nơi thực tập và biện pháp an toàn vệ sinh lao động liên quan trước khi sinh viên thực tập.

(3)接受乙方定期實地訪視，並與乙方指派之專責輔導教師共同負責輔導學生，及參與實習成績考核。

Tiếp nhận bên B định kỳ đến thăm và cùng chịu trách nhiệm hướng dẫn sinh viên với giáo viên hướng dẫn chuyên trách mà bên B chỉ định, và tham gia vào sát hạch thành tích thực tập.

1. **乙方之職責：**

**2.Trách nhiệm của bên B**

1. 依專科以上學校產學合作實施辦法第6條成立各級校外實習委員會，並負責校外實習機制相關任務事項。
2. Thành lập Ủy ban thực tập ngoài nhà trường các cấp theo Điều 6 Biện pháp thực hiện hợp tác doanh nghiệp- Viện/trường cao đẳng trở lên, và chịu trách nhiệm về các công việc liên quan đến cơ chế thực tập ngoài nhà trường.
3. 依系科發展及專業核心能力妥善規劃校外實習課程，並於實習前為學生訂定「學生個別實習計畫」。

Căn cứ vào sự phát triển của khoa và năng lực cốt lõi của chuyên môn quy hoạch phù hợp các khóa thực tập ngoài nhà trường, và trước khi thực tập lập “kế hoạch thực tập riêng biệt từng sinh viên” cho mỗi sinh viên.

1. 乙方負責進行甲方實習機構工作環境安全性及實習權益之評估。

Bên B chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá tính an toàn môi trường làm việc và quyền lợi thực tập tại cơ sở thực tập của bên A.

1. 乙方應指派實習輔導老師，定期赴甲方進行實地訪視及輔導，瞭解學生學習適應狀況及甲方依實習合約執行之情形，並與甲方共同輔導學生。

Bên B cần chỉ định giáo viên hướng dẫn thực tập, định kỳ đến thăm và hướng dẫn thực tế tại cơ sở của bên A, tìm hiểu tình hình thích ứng học tập của sinh viên và tình hình bên A thực hiện hợp đồng thực tập, đồng thời cùng hướng dẫn sinh viên với bên A.

1. **實習學生資料：**

**3.Thông tin sinh viên thực tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 姓名  Họ tên | 學號  Mã số sinh viên | 就讀  學制  Loại hình đào tạo | 所系科別  Khoa | 校外實習課程名稱  Tên khóa thực tập ngoài nhà trường | | | 總學 分數  Tổng điểm số |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **實習場所：**

**Nơi thực tập**

1. 實習地點：○○公司(○○縣(市)○○區○○路(街)○○號○○樓)。
2. Địa điểm thực tập: Công ty 00 ( tầng 00 số 00 đường (phố) 00 khu 00 huyện (thị) 00)
3. 甲方非經乙方及學生同意，不得任意調動實習地點。
4. Khi không được sự đồng ý của bên B và sinh viên, bên A không được tùy tiện thay đổi địa điểm thực tập.
5. **實習時間及訓練內容：**

**5.Thời gian và nội dung thực tập:**

甲乙方應考量實務訓練所需及維護個人身心健康，安排每日實習時間不得超過八小時，每週實習時間，不得超過四十小時，且不得於午後十時至翌晨六時之時間內進行(但學校辦理校外實習屬各類專門職業及技術人員考試所訂定應考資格條件，不在此限)。如採工作型校外實習者，甲方對學生之實習時間應依勞動相關法令之規定辦理。

Hai bên A và B cần xem xét nhu cầu đào tạo thực tiễn và bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần cá nhân, sắp xếp thời gian thực tập mỗi ngày không vượt quá 8 tiếng, thời gian thực tập mỗi tuần không được vượt quá 40 tiếng, và không được thực hiện vào khoảng thời gian từ 10h tối đến 6 sáng hôm sau (nhưng trường hợp thực tập ngoài nhà trường thuộc điều kiện xem xét tham gia sát hạch ngành nghề chuyên môn và nhân viên kỹ thuật thì không chịu sự ràng buộc của điều kiện này). Trường hợp thực tập ngoài nhà trường dưới hình thức làm việc, thì bên A cần thực hiện thời gian thực tập của sinh viên theo quy định pháp luật lao động liên quan.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 姓名  Họ tên | 實習期間  (年/月/日~年/月/日)  Thời gian thực tập  (ngày/ tháng /năm đến ngày/tháng/năm) | 最低實習時數  Số giờ thực tập tối thiểu | 實習訓練內容  Nội dung thực tập |
|  |  |  |  |

1. **實習給付、實習薪資及相關福利事項**

6.Thanh toán tiền thực tập, tiền lương thực tập và các khoản phúc lợi khác

1. 實習給付(非僱傭關係):

(1) Thanh toán tiền thực tập ( không phải quan hệ tuyển dụng lao động)

□無 □獎學金/□實習津貼，每月　 　元。甲方提供之實習給付應全額予學生，並以金融機構轉存方式直接匯入學生帳戶。

□Không □ Tiền học bổng /□ Trợ cấp thực tập, mỗi tháng Đài tệ. Bên A cần chi trả toàn bộ khoản tiền thực tập cho sinh viên và chuyển trực tiếp vào tài khoản sinh viên theo cách thức chuyển khoản qua tổ chức tín dụng.

1. 實習薪資(具僱傭關係):

(2)Tiền lương thực tập (quan hệ tuyển dụng lao động)

不得低於當年度基本工資規定。甲方提供之工資應全額予學生，並以金融機構轉存方式直接匯入學生帳戶。甲方不得預扣乙方學生薪資作為違約金或賠償費用。

Không được thấp hơn quy định tiền lương cơ bản trong năm. Bên A cần trả toàn bộ tiền lương cho sinh viên, và chuyển trực tiếp vào tài khoản sinh viên theo cách thức chuyển khoản qua tổ chức tín dụng. Bên A không được khấu trừ trước tiền lương của sinh viên bên B để làm tiền phạt vi phạm hợp đồng hoặc chi phí bồi thường.

1.□月薪，每月　 　元。Tiền lương tháng : Mỗi tháng Đài tệ

2.□時薪，每小時　 　元。Tiền lương theo giờ: Mỗi giờ Đài tệ

(3)福利：

(3)Phúc lợi:

1. 宿舍：□無　□免費提供　□付費提供，每月　　　元。

Ký túc: □ Không □ Cung cấp miễn phí □ Cung cấp tính phí, mỗi tháng Đài tệ

1. 伙食：□無　□免費提供　□付費提供，每餐　　　元。

Ăn uống: □ Không □ Cung cấp miễn phí □ Cung cấp tính phí, mỗi tháng Đài tệ

1. 交通車/交通津貼：□無　□免費提供　□付費提供，每月　　　元

□交通津貼，每月　　　元。

Phương tiện giao thông/ trợ cấp giao thông:

□ Không □ Cung cấp miễn phí □ Cung cấp tính phí, mỗi tháng Đài tệ

□ Trợ cấp giao thông, mỗi tháng Đài tệ.

(4)其他公司福利：Phúc lợi khác của công ty

休息時間及請假規定：由甲乙雙方協議，依學生個別實習計畫安排及配合實習場域實務訓練所需，議定合理的休息時間及請假規定。如採工作型校外實習者，其休息時間、休假、例假、休息日及請假等事項，應依勞動基準法、性別工作平等法及勞工請假規則等相關勞動法令之規定辦理。

Thời gian nghỉ và quy định xin nghỉ phép: Do hai bên A và B thỏa thuận, sắp xếp theo kế hoạch thực tập riêng biệt dành cho từng sinh viên và phối hợp nhu cầu đào tạo thực tế của nơi thực tập, thỏa thuận thời gian nghỉ và quy định xin nghỉ phép hợp lý. Trường hợp thực tập ngoài nhà trường dưới hình thức làm việc, thì những nội dung như thời gian nghỉ, nghỉ phép có lương, nghỉ lễ, ngày nghỉ theo quy định và xin nghỉ phép.. cần thực hiện theo quy định của luật lao động liên quan như luật lao động cơ bản, luật bình đẳng giới trong công việc và quy tắc xin nghỉ phép của người lao động.

1. **保險：**應為學生投保校外實習團體意外險，並支付保險費。如採工作型校外實習者，甲方應依相關法規為乙方學生辦理勞工保險、勞工職業災害保險、就業保險、全民健康保險及提繳勞工退休金，並依規定支付保險費。

**Bảo hiểm**: cần đóng bảo hiểm tai nạn nhóm thực tập ngoài nhà trường cho sinh viên, và chi trả phí bảo hiểm. Trường hợp thực tập ngoài nhà trường dưới hình thức làm việc, bên A cần đóng bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp cho người lao động, bảo hiểm việc làm, bảo hiểm y tế toàn dân và nộp tiền lương hưu cho sinh viên của bên B theo quy định pháp luật liên quan, đồng thời chi trả phí bảo hiểm theo quy định.

1. **實習不適應之輔導轉換方式：**

**8.Cách thức thay đổi hướng dẫn khi không thích ứng thực tập**

實習生於實習期間不適應，應由雙方共同輔導，如經乙方評估或實習生反映仍不適應，應由乙方提出終止合約，並安排實習生轉銜至其他實習機構或修習其他替代課程。

Sinh viên thực tập không thích ứng trong thời gian thực tập, cần do hai bên A và B cùng nhau phụ đạo, nếu sau khi bên B đánh giá hoặc sinh viên thực tập phản ánh vẫn không thích ứng, cần do bên B đề xuất dừng hợp đồng, và sắp xếp thực tập sinh chuyển sang cơ sở thực tập khác hoặc học tập khóa học thay thế khác.

1. **實習爭議協調及處理方式：**

**9. Cách thức phối hợp và giải quyết tranh chấp thực tập**

1. 雙方應約訂爭議處理協調之單位 。(可約定由校外實習委員會或校內單位處理)
2. Hai bên A và B cần thỏa thuận đơn vị phối hợp giải quyết tranh chấp\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (có thể thỏa thuận do Ủy ban thực tập ngoài nhà trường hoặc đơn vị trong nhà trường là đơn vị giải quyết).
3. 爭議處理過程，應邀集相關人員參與，必要時得邀集勞動相關法律專家學者與會。

(2) Trong quá trình giải quyết tranh chấp, cần mời người liên quan tham gia, khi cần thiết được mời chuyên gia học giả về luật lao động cùng tham gia.

1. **實習成績評核及實習證明發給：**甲、乙雙方應依學生實習計畫或實習課程規劃所定標準，就學生實習表現及實習報告內容共同評核實習成績，經評核成績合格者授予學分，並得視實際需要發給書面實習證明。

**10. Đánh giá thành tích thực tập và cấp chứng nhận thực tập:** Hai bên A, B căn cứ vào tiêu chuẩn trong Kế hoạch thực tập dành cho sinh viên hoặc Quy hoạch khóa thực tập, để cùng đánh giá thành tích trong biểu hiển thực tập và nội dung báo cáo thực tập, trường hợp đánh giá thành tích đạt yêu cầu được cấp học phần, và tùy theo tình hình thực tế cấp giấy chứng nhận thực tập.

1. **契約生效、終止及解除：**

**11. Hiệu lực, chấm dứt và hủy bỏ hợp đồng**

1. 本契約書自簽署完成之日起生效。

（1） Bản hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hoàn thành ký kết.

1. 雙方應約訂契約終止及解除條件；如甲方嚴重損害學生權益，乙方得要求終止或解除合約，並依法向甲方提出損害賠償。

（2）Hai bên A và B cần thỏa thuận điều kiện chấm dứt và hủy bỏ hợp đồng: Nếu bên A tổn hại nghiêm trọng đến quyền lợi của sinh viên, bên B được yêu cầu chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng, và yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại theo pháp luật.

1. 甲乙雙方就本契約有爭執，並進行司法救濟，雙方合意以臺灣新竹地方法院為第一審管轄法院。

12. Nếu hai bên A và B có tranh chấp về hợp đồng này, và thực hiện cứu trợ tư pháp, thì hai bên đồng ý tòa án địa phương Tân Trúc Đài Loan làm tòa án xét xử sơ thẩm.

1. 本契約未盡事宜，依專科以上學校產學合作實施辦法、勞動基準法、勞工保險條例、勞工職業災害保險及保護法、就業保險法及勞工退休金條例等相關法令等相關規定辦理。

13. Những nội dung chưa đề cập trong hợp đồng này, sẽ thực hiện theo quy định liên quan như: Biện pháp thực hiện hợp tác doanh nghiệp- Viện/trường cao đẳng trở lên, Luật lao động cơ bản, Điều lệ bảo hiểm người lao động, Luật bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp và bảo vệ người lao động, Luật bảo hiểm việc làm và Điều lệ tiền lương hưu dành cho người lao động...

1. 本合約書一式二份，甲、乙雙方各執乙份存照。

Hợp đồng này gồm 2 bản giống hệt nhau, bên A, B mỗi bên giữ 1 bản.

立合約書人

Các bên tham gia hợp đồng

**甲　方**：

Bên A:

負責人：

Người phụ trách:

地　址：

Địa chỉ:

**統一編號(立案字號)**：

Mã số thuế (mã số thành lập): -------------------------

**乙　方**：明新學校財團法人明新科技大學

Bên B: Trường đại học khoa học và công nghệ Ming Hsin

校 長：

Hiệu trưởng:

地　址：新竹縣新豐鄉新興路1號

Địa chỉ: Số 1 đường Tân Hưng xã Tân Phong huyện Tân Trúc

統一編號：46802708

Mã số thuế: 46802708

中華民國　 　　年　 　　月　 　　日

Ngày tháng năm